

Biểu số 02:

DANH MỤC BỔ SUNG, PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN THANH TOÁN CÁC DỰ ÁN QUYẾT TOÁN NĂM 2024 (Đợt 1)
(Nguồn vốn ngân sách tỉnh)

(Kèm theo Nghị quyết số: 26/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt quyết toán	Nguồn vốn	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán	Số vốn đã bố trí thực hiện (các nguồn vốn)	Tổng các khoản công nợ tại thời điểm phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn đã trả nợ sau khi quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2024 trả nợ dự án hoàn thành quyết toán	Ghi chú
									Công nợ nguồn NSNN phải trả sau quyết toán	Công nợ phải thu nộp NSNN sau quyết toán			
	Tổng					748.093,244	678.744,433	662.070,465	19.748,122		1.174,574	16.230,357	
1	Xử lý cấp bách cống De, K42+250 đê Tả Cầu	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	10/2021-7/2023	442/QĐ-STC ngày 14/12/2023 của Giám đốc Sở Tài chính	Vốn dự phòng NSTW	11.628,93	7.932,633	7.895,87	36,763			36,763	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Khảm Lạng	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	12/2021-5/2023	164/QĐ-UBND ngày 20/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	76.292,613	70.293,068	68.839	1.454,068			1.454,068	
3	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	9/2020-3/2022	1850/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	142.723,608	123.734,702	122.682,887	1.561,778		532,854	1.028,925	
4	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2020-2022	1655/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	95.899,879	82.168,582	81.526,862	950,466		641,72	135,608	
5	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	9/2020-8/2022	1937/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	171.356	166.059,884	166.057	2.012,998			2.012,998	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt quyết toán	Nguồn vốn	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán	Số vốn đã bố trí thực hiện (các nguồn vốn)	Tổng các khoản công nợ tại thời điểm phê duyệt quyết toán		Kế hoạch vốn đã trả nợ sau khi quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2024 trả nợ dự án hoàn thành quyết toán	Ghi chú
									Công nợ nguồn NSNN phải trả sau quyết toán	Công nợ phải thu nộp NSNN sau quyết toán			
6	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	9/2020-6/2022	244/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	118.329	106.656,501	99.800	7.046,939			7.046,939	
7	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường THPT Lục Ngạn số 2, THPT Lục Ngạn số 4, Trung tâm GDNN - GDTX Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	9/2020-3/2022	248/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	40.787	38.397,854	34.017,846	4.397,885			2.227,831	
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đoạn từ thị trấn Nhã Nam đến thị trấn Phồn Xương, tỉnh Bắc Giang	Sở Giao thông vận tải	7/2021-3/2023	371/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	64.922	59.878,686	58.500	1.407,500			1.407,5	
9	Đầu tư xây dựng cải tạo Nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Bắc Giang	BTV Tỉnh đoàn Bắc Giang	8/2022-8/2023	466/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh	17.171	15.983,999	15.250	736,405			736,405	
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước SHTT thôn Đèo Gia - Công Luộc, xã Đèo Gia và hệ thống cấp nước SHTT liên xã Phong Vân - Phong Minh, huyện Lục Ngạn.	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Giang	02/2020-5/2023	435/QĐ-STC ngày 07/12/2023 của Giám đốc Sở Tài chính	Vốn ODA và NS tỉnh	4.956,571	4.061,116	3.953	108,291			108,291	
11	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước SHTT thôn Lái và thôn Hai, xã An Bá và hệ thống cấp nước SHTT xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Giang	02/2020-6/2023	468/QĐ-STC ngày 25/12/2023 của Giám đốc Sở Tài chính	Vốn ODA và NS tỉnh	4.026,643	3.577,408	3.548	35,029			35,029	

